

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/11/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Bà Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 385/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Anh Đỗ Chí T, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre

NỘI NHUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và không có đăng ký kết hôn.

Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Chị N và anh T sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 01 năm 2011 cho đến nay.

Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N khai, chị N và anh T có 02 người con chung tên là: Đỗ Chí Linh, sinh ngày: 09/4/2001 (Đã thành niên có khả năng tự lao động, sinh sống được) và Đỗ Thị Chí Tâm, sinh ngày: 01/7/2008 hiện đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Đỗ Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh T đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T khai, anh T và chị N có 02 người con chung tên là: Đỗ Chí Linh, sinh ngày: 09/4/2001 (Đã thành niên có khả năng tự lao động, sinh sống được) và Đỗ Thị Chí T, sinh ngày: 01/7/2008. Anh T đồng ý để chị N trực tiếp nuôi cháu Tâm, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Đỗ Chí T và yêu cầu được nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 02/10/2020 của Công an xã Đ, huyện BiH. anh Đỗ Chí T có đăng ký thường trú tại: ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đỗ Chí T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đỗ Chí T.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2000 đến tháng 01 năm 2011 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị N và anh T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mà chung sống với nhau như vợ chồng. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 người con chung tên là: Đỗ Chí Linh, sinh ngày: 09/4/2001 (Đã thành niên có khả năng tự lao động, sinh sống được) và Đỗ Thị Chí T, sinh ngày: 01/7/2008 hiện đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý đối với yêu cầu của chị Nguyệt, anh T đồng ý để chị N trực tiếp nuôi cháu Tâm sau khi ly hôn. Chị N và anh T thỏa thuận về việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó giao cháu Tâm cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tâm thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị N và anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, 9, 14, 53, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đỗ Chí T.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đỗ Chí T có 02 người con chung tên là: Đỗ Chí Linh, sinh ngày: 09/4/2001 (Đã thành niên có khả năng tự lao động, sinh sống được) và Đỗ Thị Chí Tâm, sinh ngày: 01/7/2008.

Giao cháu Đỗ Thị Chí Tâm cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Chí Tâm cho đến khi cháu Đỗ Thị Chí Tâm thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ánh N không yêu cầu anh Đỗ Chí T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Chí T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Nguyễn Thị Ánh N.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Đỗ Chí T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Ánh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đỗ Chí T.

Anh Đỗ Chí T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị Ánh N.

Chị Nguyễn Thị Ánh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đỗ Chí T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đỗ Chí T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Buộc chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Ánh N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001886 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. chị Nguyễn Thị Ánh N đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đỗ Chí T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Định Trung, huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải